

Số: 31/2021/QĐST-HNGĐ

Kim Động, ngày 05 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị N, sinh năm 1991; Sinh trú quán: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1988; Sinh trú quán: Thôn G, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 20/01/2012.

+ Cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 15/01/2014.

Người đại diện cho hai cháu T, D là chị Đào Thị N và anh Phạm Ngọc T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị N và anh Phạm Ngọc T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Phạm Ngọc T tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 20/01/2012 và cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 15/01/2014, hiện nay anh T đang nuôi hai cháu. Chị N và anh T thỏa thuận, anh T sẽ tiếp tục nuôi hai cháu T, D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/cháu/tháng, tổng là 2.000.000đ/hai cháu/tháng để anh T nuôi con chung. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị N và anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị N tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0001978 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động (Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện (để thi hành);
- Phòng KTNV và THA Tòa án ND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quốc Huy

